

NGHIÊN CỨU TÌNH HÌNH ĂN CHAY VÀ CÁC YẾU TỐ
LIÊN QUAN ĐẾN ĂN CHAY TẠI XÃ ĐÔNG THÀNH,
THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG NĂM 2020

Nguyễn Tấn Tài*, Huỳnh Thị Sóc Ken, Nguyễn Thị Kim Nương,
Lê Đình Bảo, Hồ Gia Hảo, Lê Thành Tài, Trương Thành Nam

Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

*Email: nttai.yhdp41@student.ctump.edu.vn

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Ăn chay là một xu hướng phổ biến ở Việt Nam trong những năm gần đây. **Mục tiêu nghiên cứu:** Nghiên cứu này nhằm xác định tỷ lệ các loại hình ăn chay và các yếu tố liên quan đến ăn chay tại xã Đông Thành, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long năm 2020. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu cắt ngang mô tả có phân tích trên 419 người trưởng thành. Thu thập thông tin qua phỏng vấn trực tiếp bằng bộ câu hỏi soạn sẵn có cấu trúc. **Kết quả:** Tỷ lệ ăn chay là 57,5%, trong đó có 10% ăn chay trường; 47,5% ăn chay kỳ. Trường phái thuần chay chiếm 89,3%. Lý do ăn chay phổ biến nhất là vì tôn giáo, tín ngưỡng (39,27%). Tỷ lệ ăn chay cao hơn có ý nghĩa thống kê ở các nhóm đối tượng: Giới tính nữ; người dân > 60 tuổi; học vấn: mù chữ, tiểu học và Trung học cơ sở; dân tộc Kinh; có tôn giáo; có người thân trong gia đình cùng ăn chay; không mắc bệnh mạn tính. **Kết luận:** Tỷ lệ ăn chay chung là 57,5%, trong đó 10% ăn chay trường, 47,5% ăn chay kỳ. Trường phái thuần chay chiếm 89,3%. Tỷ lệ ăn chay khác nhau về giới tính, nhóm tuổi, học vấn, dân tộc, tôn giáo, có người trong gia đình cùng ăn chay và mắc bệnh mạn tính.

Từ khóa: ăn chay, chế độ ăn chay.

ABSTRACT

THE STUDY ON VEGETARIAN STATUS AND RELATED FACTORS TO
VEGETARIANISM IN DONG THANH COMMUNE, BINH MINH TOWN,
VINH LONG PROVINCE IN 2020

Nguyen Tan Tai*, Huynh Thi Soc Ken, Nguyen Thi Kim Nuong,
Le Dinh Bao, Ho Gia Hao, Le Thanh Tai, Trương Thành Nam

Can Tho University of Medicine and Pharmacy

Background: Vegetarianism has been a popular trend in Vietnam in recent years. **Objectives:** This study aims to determine the proportion of different types of vegetarian diets and factors related to vegetarianism in Dong Thanh commune, Binh Minh town, Vinh Long province in 2020. **Materials and methods:** Descriptive cross-sectional study analysis of over 419 adults. Gathered information through direct interviews with pre-structured questionnaires. **Results:** 57.5% of participants were vegetarians, of which 10% were long-term vegans; 47.5% were semi-vegetarians, in which 10.6% were vegetarians for several months in a year and 89.4% were vegetarians for several days in a month. The vegan rate accounted for 89.3%. The most popular reasons for vegetarian diet were religion and beliefs (39.27%). The most common difficulty in vegetarian diet was to cook separate from non-vegetarian (15.4%). The vegetarian rate was statistically significantly higher in the target groups: Female; people >60 years old; education background: illiterate, primary and secondary school; Kinh people; people have religions; having a family member is vegetarian and has chronic diseases. **Conclusion:** The general vegetarian rate was 57.5%, of which the long-term vegan rate was 10% and the semi-vegetarian rate was 47.5%. The majority of people was vegan (89.3%). The rate of vegetarianism differs in terms of genders, age groups, education backgrounds, ethnicity, religion, having someone in the family who is a vegetarian and has a chronic illness.

Keywords: vegetarianism, vegetarian diet.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ăn chay có nguồn gốc từ rất lâu đời, từ thời Ấn Độ và Hy Lạp cổ đại [3]. Ngày nay, chế độ ăn chay rất phổ biến với mục đích bảo vệ môi trường và động vật, ăn chay theo tâm linh hoặc do theo đạo. Với mức độ phổ biến của thông tin đại chúng như hiện nay, mọi người có nhiều cách ăn chay tùy theo sở thích, kinh tế, tín ngưỡng tôn giáo phù hợp với mỗi cá nhân. Theo thống kê của Ban Tôn giáo Chính phủ và Tổng cục thống kê thì Vĩnh Long có khoảng 1/3 dân số tỉnh thuộc tín đồ tôn giáo theo trường phái ăn chay [1]. Điều này đồng nghĩa họ là những người thường xuyên ăn chay và chưa kể đến số lượng những người ăn chay trong cộng đồng mà không theo tôn giáo [2]. Tuy nhiên, chưa có nhiều nghiên cứu đánh giá về tình hình ăn chay ở Việt Nam cũng như trên toàn thế giới. Vì vậy, chúng tôi thực hiện “Nghiên cứu tình hình ăn chay và các yếu tố liên quan đến ăn chay tại xã Đông Thành, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long năm 2020” nhằm xác định tỷ lệ các loại hình ăn chay và các yếu tố liên quan đến ăn chay tại xã Đông Thành, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Người dân từ 18 tuổi trở lên thường trú tại xã Đông Thành, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

2.2. Thiết kế nghiên cứu

Mô tả cắt ngang có phân tích.

Cỡ mẫu: $n = \frac{Z_{1-\alpha/2}^2 \times p(1-p)}{d^2}$, Với n: cỡ mẫu, Z là hệ số tin cậy với mức $\alpha=0,05$

($Z=1,96$); p là tỷ lệ người ăn chay tại Ấn Độ là 35% [6], d là sai số cho phép 0,06.

Nghiên cứu dự phòng thêm 5% sai sót thông tin và hiệu ứng thiết kế được sử dụng là 1,5. Cỡ mẫu tính được là 402 người. Thực tế chúng tôi thu thập được 419 đối tượng.

Phương pháp chọn mẫu nhiều giai đoạn: Giai đoạn 1: Chọn ngẫu nhiên 4 ấp trong 7 ấp của xã; Giai đoạn 2: Chọn ngẫu nhiên 4 tổ của mỗi ấp đã chọn ở giai đoạn 1; Giai đoạn 3: Chọn ngẫu nhiên 26 hộ từ mỗi tổ đã chọn.

Phương pháp thu thập số liệu: Phỏng vấn trực tiếp bằng bộ câu hỏi soạn sẵn.

2.3 Nội dung nghiên cứu

Đặc điểm chung của đối tượng (tuổi, giới, học vấn, dân tộc, tôn giáo, nghề nghiệp, kinh tế, hôn nhân) và tình hình ăn chay (có ăn chay hay không, hình thức ăn chay, trường phái ăn chay, thời gian ăn chay, sự kiện dẫn đến ăn chay, lý do ăn chay, lợi ích của ăn chay, thuận lợi – khó khăn của ăn chay, có người cùng ăn chay, mắc bệnh mạn tính).

2.4. Xử lý số liệu

Số liệu được xử lý bằng phần mềm SPSS 20.0.

2.5. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu được chấp thuận bởi trường Đại Học Y Dược Cần Thơ. Đối tượng tham gia nghiên cứu tự nguyện sau khi được giải thích về mục đích và nội dung nghiên cứu.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Nhận xét: Tổng số 419 đối tượng là người dân trưởng thành được điều tra. Tỷ lệ giới tính nam là 28,2%, giới tính nữ là 71,8%. Độ tuổi trung bình là $50,22 \pm 13,4$, với sự phân

bố nhóm tuổi như sau: ≤ 45 tuổi: 35,6%; 46 – 60 tuổi: 39,1 %; > 60 tuổi: 25,3%.

3.1. Tình hình ăn chay

Bảng 1. Đặc điểm chung của ăn chay

Tình hình ăn chay		Tần số	Tỷ lệ (%)
Hình thức ăn chay (n = 419)	Ăn chay trường	42	10
	Ăn chay kỳ	199	47,5
	Không ăn chay	178	42,5
Trường phái ăn chay (n = 241)	Thuần chay	215	89,3
	Ăn chay có trứng và/hoặc sữa	26	10,7
Tuổi bắt đầu ăn chay (36,77 ± 16,26 tuổi) (n = 241)	< 18 tuổi	34	14,1
	18 – 30 tuổi	63	26,1
	31 – 45 tuổi	61	25,3
	> 45 tuổi	83	34,5

Nhận xét: Tỷ lệ ăn chay chung của đối tượng nghiên cứu là 57,5%, trong đó tỷ lệ ăn chay trường là 10% và ăn chay kỳ là 47,5%. Trường phái ăn chay phổ biến nhất là thuần chay chiếm tỷ lệ 89,3%. Độ tuổi bắt đầu ăn chay trung bình là 36,77 ± 16,26 với nhóm tuổi bắt đầu ăn chay phổ biến nhất là nhóm > 45 tuổi chiếm 34,5%.

Bảng 2. Đặc điểm hình thức ăn chay kỳ

Ăn chay kỳ		Tần số	Tỷ lệ (%)
Phân loại kỳ ăn chay (n = 199)	Ăn chay kỳ theo tháng	21	10,6
	Ăn chay kỳ theo ngày	178	89,4
Số tháng ăn chay trong năm của nhóm ăn chay kỳ theo tháng (n = 21)	1 tháng/năm	3	14,3
	3 tháng/năm	16	76,2
	4 tháng/năm	2	9,5
Số ngày ăn chay trong tháng của nhóm ăn chay kỳ theo ngày (n = 178)	1 ngày/tháng	12	6,6
	2 ngày/tháng	52	28,7
	3 ngày/tháng	6	3,3
	4 ngày/tháng	85	48,7
	6 ngày/tháng	10	5,5
	7 ngày/tháng	2	1,1
	10 ngày/tháng	11	6,1

Nhận xét: Trong số các đối tượng ăn chay kỳ, 10,6% ăn chay kỳ theo tháng và 89,4% đối tượng ăn chay kỳ theo ngày. Các đối tượng ăn chay theo tháng thường ăn chay 3 tháng/năm (76,2%), còn thời gian ăn chay phổ biến nhất của nhóm ăn chay kỳ theo ngày là 4 ngày/tháng (48,7%) hoặc 2 ngày/tháng (28,7%).

Bảng 3. Lý do ăn chay

Lý do ăn chay (n = 241)	Tần số	Tỷ lệ (%)
Tôn giáo, tín ngưỡng	97	39,27
Sở thích	82	33,2
Tốt cho sức khỏe, trí tuệ minh mẫn	81	32,79
Giúp cho tâm hồn thanh thản, nhẹ nhàng	81	32,79
Truyền thống gia đình; nghe theo người thân	76	30,77
Lòng nhân từ	45	18,22
Kinh tế	17	6,88
Quan tâm đến môi trường	7	2,83

TẠP CHÍ Y DƯỢC HỌC CẦN THƠ – SỐ 37/2021

Lý do ăn chay (n = 241)	Tần số	Tỷ lệ (%)
Giảm cân	2	0,81
Khác	3	1,21

Nhận xét: Những lý do ăn chay phổ biến mà người dân trả lời khi được hỏi là vì tôn giáo, tín ngưỡng chiếm 39,27%.

Bảng 4. Thuận lợi và khó khăn của ăn chay

Thuận lợi và khó khăn của ăn chay (n = 241)		Tần số	Tỷ lệ (%)
Thuận lợi	Thực phẩm dễ mua, dễ tìm	230	95,43
	Dễ chế biến	194	80,45
	Chế biến nhanh, tiết kiệm thời gian	173	77,78
	Dễ dàng tạo ra thực phẩm (vd: trồng rau, ...)	160	66,39
	Giá rẻ, giúp tiết kiệm chi phí thức ăn	105	43,57
	Các món chay đa dạng, dễ ăn	90	37,34
Khó khăn	Phải nấu ăn riêng	37	15,4
	Không thể ăn cùng với gia đình, bạn bè	23	9,5
	Ăn chay mau đói nên phải ăn nhiều bữa	12	5
	Giá thực phẩm chay đắt tiền	12	5
	Nguồn nguyên liệu ít và không phong phú	9	3,7
	Tốn thời gian, công sức chế biến	6	2,5
	Không có khó khăn	192	79,7

Nhận xét: Thuận lợi phổ biến nhất của việc ăn chay là thực phẩm chay dễ mua, dễ tìm (95,45%). Hầu hết người dân cho rằng không gặp phải khó khăn gì khi ăn chay với 79,7%, tuy nhiên cũng có 20,3% người dân gặp khó khăn khi ăn chay, khó khăn phổ biến nhất là phải nấu ăn riêng (15,4%).

3.2. Các yếu tố liên quan đến ăn chay

Bảng 5. Liên quan giữa ăn chay và một số đặc điểm của đối tượng nghiên cứu

Đặc điểm (n = 419)		Có ăn chay n (%)	Không ăn chay n (%)	OR (KTC 95%)	P
Giới tính	Nữ	197 (65,4)	104 (34,6)	3,17 (2,05 - 4,96)	<0,001
	Nam	44 (37,3)	74 (62,7)		
Nhóm tuổi	≤ 45	75 (50,3)	74 (49,7)	-	-
	46 - 60	97 (59,1)	67 (40,9)	1,29 (0,78 - 2,14)	0,118
	>60	69 (65,1)	37 (34,9)	1,84 (1,10 - 3,07)	0,019
Học vấn	Mù chữ, TH	146 (59,6)	99 (40,4)	1,98 (1,17 - 3,35)	0,01
	THCS	63 (63,6)	36 (36,4)	2,35 (1,27 - 4,35)	0,006
	THPT, >THPT	32 (42,7)	43 (57,3)	-	-
Dân tộc	Kinh	204 (63,4)	118 (36,6)	2,80 (1,76 - 4,48)	<0,001
	Khmer	37 (38,1)	60 (61,9)		
Tôn giáo	Có tôn giáo	176 (62,9)	104 (37,1)	1,93 (1,28 - 2,91)	0,002
	Không tôn giáo	65 (46,8)	74 (53,2)		

Nhận xét: Tỷ lệ ăn chay ở nữ giới (65,4%) cao gấp 3,17 lần tỷ lệ ăn chay ở nam giới (37,3%) với $p < 0,001$. Về nhóm tuổi, nhóm >60 tuổi (65,1%) có tỷ lệ ăn chay cao gấp 1,84 lần nhóm ≤ 45 tuổi (50,3%) với $p = 0,019$. Xét về trình độ học vấn thì nhóm mù chữ/tiểu học và nhóm THCS có tỷ lệ ăn chay cao hơn nhóm THPT/>THPT với OR lần lượt là 1,98 ($p = 0,01$) và 2,35 ($p = 0,006$). Tỷ lệ ăn chay của đối tượng dân tộc Kinh (63,4%) cao gấp 2,8 lần dân tộc Khmer (38,1%) với $p < 0,001$. Những người theo tôn giáo có tỷ lệ ăn chay

cao gấp 1,93 lần người không có tôn giáo, $p = 0,002$.

Bảng 6. Mối liên quan giữa ăn chay và các yếu tố hôn nhân, mắc bệnh mạn tính và có thành viên trong gia đình cùng ăn chay

Yếu tố (n = 419)		Có ăn chay n (%)	Không ăn chay n (%)	OR (KTC 95%)	P
Hôn nhân	Có gia đình	199 (55,7)	158 (44,3)	0,6 (0,34-1,06)	0,078
	Góa/ly hôn	42 (67,7)	20 (32,3)		
Bệnh mạn tính	Không	206 (64,4)	114 (35,6)	3,30 (2,06-5,29)	<0,001
	Có	35 (35,4)	64 (64,6)		
Người thân ăn chay	Có	153 (83,2)	31 (16,8)	8,25 (5,16-13,16)	<0,001
	Không	88 (37,4)	147 (62,6)		

Nhận xét: Tỷ lệ ăn chay của nhóm đối tượng có gia đình (55,7%) thấp hơn đối tượng góa/ly thân/ly hôn (67,7%), tuy nhiên sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê với $p = 0,078$. Nhóm không mắc bệnh mạn tính có tỷ lệ ăn chay là 64,4% cao gấp 3,3 lần nhóm có bệnh mạn tính (35,4%), $p < 0,001$. Tỷ lệ ăn chay ở nhóm đối tượng có người thân trong gia đình cùng ăn chay (83,2%) cao gấp 8,25 lần nhóm đối tượng không có người thân trong gia đình cùng ăn chay với $p < 0,001$.

IV. BÀN LUẬN

4.1 Tình hình ăn chay

Trong nghiên cứu khảo sát 419 người dân, 57,5% là người có ăn chay và 42,5% là người không ăn chay. Trong những người ăn chay thì số người ăn chay trường chiếm 10% và ăn chay kỳ chiếm 47,5%. Nhìn chung, kết quả này cao hơn một số nghiên cứu khác như nghiên cứu của Gallup tại Mỹ năm 2012 ghi nhận 5% người trưởng thành có ăn chay [8]. Nghiên cứu của Claus Leitzmann vào năm 2004 tại Ấn Độ, một quốc gia có nét tương đồng về phật giáo và ăn chay với Việt Nam, có số người ăn chay cao nhất thế giới, chiếm 35% dân số của Ấn Độ (450 triệu người) [6]. Một nghiên cứu khác tại Ấn Độ do Yadav và Kumar thực hiện vào năm 2006 cũng ghi nhận 1 số lượng lớn người dân tại đây là người ăn chay, chiếm 31% [9]. Điều này có thể lý giải bởi phần lớn người tham gia nghiên cứu của chúng tôi có tôn giáo (62,9%), trong đó đạo Phật chiếm 57%. Lý do đối tượng có thói quen ăn chay chủ yếu từ yếu tố tôn giáo tín ngưỡng (39,27%) và quan niệm ăn chay có lợi cho sức khỏe thể chất cũng như tinh thần (32,79%). Một số tôn giáo như Đạo Cao Đài, Hòa Hảo, Phật giáo có quy định ăn chay theo kỳ. Ngoài ra, theo phong tục văn hóa người Việt Nam, người dân thường ăn chay vào ngày rằm là 14, 15 và 30, 1 hàng tháng. Vì vậy, số người ăn chay kỳ trong nghiên cứu của chúng tôi cao gần gấp 4 lần so với người ăn thuần chay.

Nghiên cứu cho thấy trường phái ăn chay phổ biến nhất là thuần chay (chỉ ăn các thực phẩm có nguồn gốc từ thực vật, không ăn thịt cá) chiếm 89,3%. Kết quả này khác với nghiên cứu của Lap Tai Le và Joan Sabates vào năm 2014 với số người ăn thuần chay chiếm 8%, số người ăn chay được ăn cá, sữa, trứng chiếm 10%, số người ăn chay được ăn trứng, sữa hoặc cả hai chiếm 28% và 8% còn lại là ăn chay bán phần [7]. Lý giải cho sự khác biệt này là do khác biệt lớn về văn hóa. Người ở Châu Á nói chung và Việt Nam nói riêng phần lớn là ăn chay theo hình thức không ăn các sản phẩm nguồn gốc động vật, khác rất nhiều so với ăn chay ở các nước Phương Tây. Thêm vào đó, các đối tượng nghiên cứu của chúng tôi đa phần là ăn chay theo hình thức tự cấp bằng việc tự trồng và tự chế biến nên họ thường ăn rau củ, trái cây quanh nhà. Trong nghiên cứu của chúng tôi, tuổi bắt đầu ăn chay trên 45

tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất (34,5%) và độ tuổi bắt đầu ăn chay trung bình là $36,77 \pm 16,26$, khác với nghiên cứu của Wan Ying Gan vào năm 2018 ở Kuala Lumpur thì độ tuổi ăn chay chiếm tỷ lệ cao nhất là 19-29 tuổi chiếm 43,5% và số tuổi trung bình ăn chay là $33,8 \pm 10,4$ [4]. Sự khác biệt này có thể do đối tượng của chúng tôi chọn và phong tục 2 nước khác nhau.

Nghiên cứu của chúng tôi có 47,5% người dân chọn ăn chay theo hình thức ăn chay kỳ. Trong đó có 10,6% đối tượng ăn chay theo tháng và 89,4% đối tượng ăn chay theo ngày. Trong những người ăn chay kỳ theo tháng thì các đối tượng thường ăn chay 3 tháng mỗi năm (tam Nguyệt trai, thường vào tháng giêng, tháng tư và tháng bảy âm lịch) chiếm 76,2%. Những người ăn chay kỳ theo ngày thường ăn chay 4 ngày mỗi tháng (tứ trai, thường vào ngày 1, 14, 15, 30 âm lịch) chiếm 48,7%. Kết quả này phù hợp với xu hướng ăn chay theo Phật giáo Việt Nam [2].

Nghiên cứu chỉ ra rằng, đối tượng có nhiều động cơ khác nhau dẫn đến ăn chay. Các lý do ăn chay phổ biến là tôn giáo, tín ngưỡng (39,27%), sở thích (33,2%), tốt cho sức khỏe (32,79%), giúp cho tâm hồn thanh thản nhẹ nhàng (32,79%), truyền thống gia đình (30,77%). Theo Raluca Andreea Ion [5], lý do ăn chay chủ yếu đầu tiên là sức khỏe trong khi nghiên cứu của chúng tôi lý do này đứng thứ 3. Lý do thứ 2 theo Raluca là vì tình thương với động vật, tương đương với lý do vì lòng nhân từ trong nghiên cứu của chúng tôi (18,22%), có thể thấy đây là lý do ăn chay thật sự phổ biến. Những lý do khác trong nghiên cứu của Raluca Andreea Ion cũng khá tương đồng với nghiên cứu của chúng tôi như kinh tế, quan tâm đến vấn đề môi trường. Đa số người dân đều cho rằng ăn chay rất thuận lợi như thực phẩm dễ mua, dễ tìm (95,43%), dễ chế biến (80,45%), chế biến nhanh (77,78%) và có thể dễ dàng tạo ra thực phẩm (66,39%). Tuy nhiên, cũng có 20,3% người dân gặp khó khăn khi ăn chay, một số khó khăn có thể gặp phải như phải nấu ăn riêng (15,4%), không thể ăn cùng gia đình và bạn bè (9,5%).

4.2 Các yếu tố liên quan đến ăn chay

Nghiên cứu cho thấy tỷ lệ ăn chay ở nữ (65,4%) cao gấp 3,17 lần ở nam ($p < 0,001$). Tại Việt Nam, phụ nữ thường có thói quen đi chùa và ăn chay để cầu bình an cho gia đình và con cái. Tuy nhiên, nghiên cứu tại Malaysia (2018) của Wan Ying Gan (2018) ghi nhận không có sự khác biệt về giới trong việc ăn chay, mặc dù tỷ lệ ăn chay ở nam (55,96%) cao hơn nữ (44,04%) [4]. Sự khác biệt của nghiên cứu này với nghiên cứu của chúng tôi có thể do khác biệt về văn hóa giữa 2 quốc gia. Trong nghiên cứu của chúng tôi, tỷ lệ ăn chay tăng dần theo nhóm tuổi và cao nhất ở nhóm trên 60 tuổi (65,1%). Người cao tuổi thường chọn ăn chay để cầu phúc cho con cháu và tìm kiếm sự thanh thản trong tâm hồn và mong muốn duy trì một sức khỏe tốt, đôi khi họ chọn ăn chay để xám hỏi cho sự sát sinh hoặc những sai lầm khi còn trẻ. Tương tự, nghiên cứu của Wan Ying Gan (2018) tại Malaysia cũng ghi nhận tỷ lệ ăn chay của những đối tượng nghiên cứu trên 40 tuổi cao hơn nhóm 19-29 tuổi (lần lượt là 55,32% và 47,5%), tuy nhiên sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê với $p = 0,109$ [4].

Tỷ lệ ăn chay cao hơn ở đối tượng nghiên cứu có trình độ học vấn thấp: mù chữ/tiểu học ($OR=1,98$, $p=0,01$) và trung học cơ sở ($OR=2,35$, $p=0,006$) so với nhóm có trình độ từ trung học phổ thông trở lên. Ngược lại, nghiên cứu của Wan Ying Gan (2018) ghi nhận tỷ lệ ăn chay giảm dần từ nhóm cao đẳng/đại học (58,8%) tới nhóm trung học (38,5%) và nhóm tiểu học (25%), với $p = 0,001$ [4]. Tỷ lệ ăn chay của nhóm có theo tôn giáo là 62,9% cao hơn nhóm không theo tôn giáo là 46,8% ($OR=1,93$, $p=0,002$). Điều này được giải thích bởi tôn giáo phổ biến ở khu vực nghiên cứu là Phật giáo, Phật giáo Hòa Hảo và đạo Cao Đài đều khuyến khích tín đồ có thói quen ăn chay. Tỷ lệ ăn chay của dân tộc Kinh là 63,4% cao hơn

nhóm dân tộc Khmer là 38,1% (OR=2,8, p=0,001), do truyền thống của đồng bào Khmer theo Phật giáo Nam tông ăn chay theo nguyên tắc “Tạm tịnh nhục” có nghĩa là những loại thịt nào mà mình không thấy người ta giết, không nghe tiếng kêu la của loài thú bị giết, hay không có sự nghi ngờ nào người khác vì mình mà giết, những loại thịt đó được thọ dụng, không phạm giới [2]. Tuy nhiên, hình thức ăn chay này chúng tôi không xếp vào nhóm ăn chay.

Tỷ lệ ăn chay ở nhóm có gia đình thấp hơn nhóm độc thân/góa/ly hôn với tỷ lệ lần lượt là 55,7% và 67,7% nhưng không có ý nghĩa thống kê (p = 0,078). Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Wan Ying Gan (2018) cũng ghi nhận tỷ lệ ăn chay ở nhóm độc thân/góa/ly hôn cao hơn nhóm có gia đình (53,5% so với 43,2%) với p = 0,125 [4]. Nghiên cứu ghi nhận tỷ lệ ăn chay của nhóm không mắc bệnh mạn tính (64,4%) cao hơn nhóm có bệnh mạn tính trước khi bắt đầu ăn chay (35,4%) (OR=3,3, p<0,001). Theo kết quả nghiên cứu tỷ lệ ăn chay của nhóm có người thân trong gia đình ăn chay là 83,2% cao hơn nhóm không có người thân trong gia đình ăn chay là 37,4% (OR=8,25, p < 0,001). Sự khác biệt này là do quan niệm nhiều người Việt Nam ăn chay theo truyền thống gia đình hoặc nghe theo người thân (30,77%).

V. KẾT LUẬN

Tỷ lệ ăn chay chung là 57,5%, trong đó ăn chay trường là 10% và ăn chay kỳ là 47,5%. Trong số những người ăn chay kỳ thì có 10,6% đối tượng ăn chay theo tháng và 89,4% đối tượng ăn chay theo ngày. Những người ăn chay kỳ theo tháng thường ăn chay 3 tháng mỗi năm chiếm 76,2%, còn những người ăn chay kỳ theo ngày thường ăn chay 4 ngày mỗi tháng chiếm 48,7%. Đa số người dân ăn chay theo trường phái thuần chay (89,3%). Tỷ lệ ăn chay khác nhau về giới tính, nhóm tuổi, học vấn, dân tộc, tôn giáo, có người trong gia đình cùng ăn chay và mắc bệnh mạn tính.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư – Tổng cục thống kê (2019), Kết quả tổng điều tra dân số năm 2019.
2. Thích Hạnh Bình (2004), *Tìm hiểu Phật giáo Nguyên thủy*, Nhà Xuất Bản Tôn Giáo, Hà Nội, trang 134 -140.
3. Spencer Colin (1996), *The Heretic's Feast: A History of Vegetarianism*, Fourth Estate Classic House. London, pp. 33–68, 69–84.
4. Wan Ying Gan (2018). Comparing the Nutritional Status of Vegetarians and non-vegetarians from a Buddhist Organisation in Kuala Lumpur, Malaysia. *Malaysian Journal of Nutrition*, 24(1): pp.89-101.
5. Raluca Andreea Ion (2007). Reasons Why People Turn to Vegetarian Diet. *Economics of Agriculture*, vol 54(3), pp. 353-358.
6. Claus Leitzmann (2014). Vegetarian: past, present, future. *The American Journal of Clinical Nutrition*, 100(1), pp.496-502.
7. Lap Tai Le, Joan Sabates, (2013). Beyond meatless, the Health Effects of Vegan Diets: Findings from the Adventist Cohorts. *Nutrients*, 6(6), pp.2131-2147.
8. Frank Newport (2013). In US, 5% Consider Themselves Vegetarians. *Gallup Inc.* <http://www.gallup.com/poll/156215/consider-themselves-vegetarians.aspx>, on 15 November 2020.
9. Yogendra Yadav, Sanjay Kumar Yadav (2006). The food habits of a nation. *The Hindu*. <http://www.thehindu.com/todays-paper/the-food-habits-of-a-nation/article3089973.ece>, On 20 November 2020.

(Ngày nhận bài: 23/3/2021 – Ngày duyệt đăng: 16/6/2021)